

Bản tóm lược gợi ý định hướng chính sách

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC GIẢM NHẸ RỦI RO THÂM HOẠI VÀ TĂNG TRƯỞNG KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Các thông điệp chính

- Phụ nữ tại Việt Nam là các tác nhân năng động trong công tác thích ứng với biến đổi khí hậu (TƯBĐKH) và giảm nhẹ rủi ro thảm họa (GNRRTH). Các vai trò giới đã được xác định, các mối quan tâm và những đóng góp của họ trong gia đình, cộng đồng và nơi làm việc cần được ghi nhận và phản ánh trong các chính sách và hành động có liên quan.
- Việc nâng cao nhận thức,trau dồi khả năng về vấn đề bình đẳng giới và nâng cao vai trò,vị thế của phụ nữ trong GNRRTH và TƯBĐKH đang trở nên cấp thiết tại Việt Nam.
- Nhận thức về vấn đề này cần được chuyển thành những cam kết mang tính chính trị và cung cấp nguồn tài chính cho những hành động phù hợp nhằm đảm bảo tính nhạy cảm giới trong TƯBĐKH và GNRRTH.
- Các thủ tục trong công tác hoạch định chính sách và chương trình, vấn đề tài chính, quá trình thực thi và giám sát cần phải tạo điều kiện cho việc lồng ghép các nguyên tắc bình đẳng giới và nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ vào công tác GNRRTH và TƯBĐKH trong tất cả các lĩnh vực và ở tất cả các cấp. Cần thiết phải có một phương pháp tiếp cận đa bên bao gồm sự tham gia của các chuyên gia về giới, phụ nữ và nam giới, các nhóm yếu thế khác, cũng như các đại diện từ phía chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân và cộng đồng phát triển lớn hơn.
- Có nhiều bài học quý báu để học từ kinh nghiệm và thực tiễn tại cấp địa phương cần được chia sẻ và chuyển tải tới các cấp quốc gia và dưới quốc gia, và cả với những nước khác đang phải đối mặt với các vấn đề tương tự.

Giới thiệu

Chính phủ và người dân Việt Nam từ lâu đã nhận ra những rủi ro và tính khắc nghiệt do các hiểm họa tự nhiên gây ra cho đất nước này. Những hiểm họa đó bao gồm lũ lụt, mưa lớn không thể dự báo trước, bão, hạn hán kéo dài, các đợt nóng và lạnh bất thường, mực nước biển dâng và xâm nhập mặn.

Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương trước những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Trong giai đoạn từ năm 1958 đến 2007, nhiệt độ trung bình hàng năm đã tăng thêm khoảng 0,7°C. Nhiệt độ trung bình hàng năm trong bốn thập kỷ từ 1961 đến 2000 cao hơn so với ba thập kỷ trước đó (1931-1960)¹. Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 cũng là thập kỷ nóng nhất từng được ghi chép lại tại quốc gia này, đặt ra mức nhiệt độ cao kỷ lục mới². Những thay đổi về khí hậu này đã có tác động lớn tới đời sống và sinh kế của người dân Việt Nam, đặc biệt là người nghèo và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương khác.

Một phần lớn dân số của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và các hiểm họa liên quan. Ví dụ như, với khoảng 70 phần trăm dân số sống tại các vùng đất thấp, trong khu vực châu thổ hoặc dọc bờ biển, nếu như không có hành động gì kịp thời thì mực nước biển dâng cao sẽ gây ảnh hưởng tới một số lớn dân cư³. Vùng núi phía Bắc là khu vực đặc biệt nhạy cảm với hạn hán và các đợt rét đậm. Theo nghiên cứu về Tình trạng dễ bị tổn thương đối với Biến đổi Khí hậu tại Khu vực Đông Nam Á của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế IDRC/CRDI (2009)⁴, thì cứ mỗi mười tỉnh dễ bị tổn thương nhất (trong tổng số 63 tỉnh), thì có tám tỉnh nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Hai tỉnh còn lại là Lai Châu (bao gồm cả Điện Biên) và Thái Bình, đều ở phía Bắc, xếp hạng lần lượt là thứ nhất và thứ mười. Hai tỉnh phía Bắc khác là Sơn La và Lào Cai xếp hạng lần lượt thứ 15 và 17.

¹ Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011

² Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011

³ Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011

⁴ Yusuf, A. and Francisco, H., *Lập bản đồ Tình trạng Dễ bị Tổn thương đối với Biến đổi Khí hậu cho Khu vực Đông Nam Á IDRC/CRDI*, 2009

Nhận thức về những thách thức lớn trên đây được phản ánh, với các mức độ khác nhau, trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu⁵, Chiến lược Quốc gia về Biến đổi Khí hậu⁶ và Chương trình Quản lý Rủi ro Thảm họa dựa vào Cộng đồng⁷, cũng như các hoạt động của Nhóm Công tác Quản lý Thảm họa (DMWG)⁸, Nhóm Công tác về Biến đổi khí hậu (CCWG), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Hội LHPNVN), các cơ quan của Liên Hợp Quốc và các tổ chức khác.

Bản tóm lược gợi ý Định hướng chính sách này sẽ chỉ ra rằng **biến đổi khí hậu và các tác động của nó không trung lập về giới và các chính sách và hành động liên quan đến nó cũng không trung lập về giới như vậy**. Do vai trò giới của họ đã được xác định trong xã hội và chức năng truyền thống luôn bị đặt làm thứ yếu cho nên phụ nữ nằm trong nhóm những người có thể phải gánh chịu các công việc nặng nề nhất bắt nguồn từ sự biến đổi trên và đồng thời họ sẽ được hưởng lợi ít hơn từ các chính sách và chương trình nhằm ứng phó với những biến đổi đó. Bản tóm lược gợi ý Định hướng chính sách cũng chỉ ra rằng không nên coi phụ nữ là “nạn nhân”. Họ cũng là những tác nhân quan trọng trong công tác TUBĐKH/GNRRTH và các nhu cầu cũng như hiểu biết của họ cần được sử dụng nhằm cung cấp thông tin cho quá trình thiết kế, thực hiện và giám sát các chính sách về biến đổi khí hậu và GNRRTH.

Mục tiêu

Bản tóm lược gợi ý định hướng chính sách này nhằm nâng cao nhận thức và nhấn mạnh cách lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các nguyên tắc về nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ vào các chính sách và hành động liên quan tới TUBĐKH và GNRRTH tại Việt Nam. Mục đích là khuyến khích và thúc đẩy việc lồng ghép giới trong các lĩnh vực trên, đồng thời nhằm thúc đẩy việc điều chỉnh các văn bản pháp luật, chính sách và hành động thực tiễn hiện có cũng như các văn bản mới.

Bản tóm lược gợi ý Định hướng chính sách này hướng tới các nhà hoạch định chính sách cấp tỉnh và cấp quốc gia, các nhà lập pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức quần chúng khác, Liên Hợp Quốc, doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam.

Việc xây dựng bản tóm lược này là sáng kiến chung của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phụ nữ của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam cùng Văn phòng Khu vực Châu Á, Thái Bình Dương của UNISDR tại Băng Cốc. Bản tóm lược này phản ánh các nội dung chính của *Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa* và tiếp sau đó là cuộc đối thoại chính sách diễn ra tại Hà Nội vào tháng 12 năm 2011.

Hộp 1: Bốn luận cứ cho việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa

Các chính sách và hành động liên quan đến TUBĐKH/GNRRTH có thể thu được rất nhiều từ việc lồng ghép giới, bởi vì điều đó sẽ:

1. Tận dụng tài năng, năng lực và sự đóng góp của cả nam giới và nữ giới để các chính sách có thể trở nên **bao quát, thành công, có hiệu lực và hiệu quả hơn**.
2. **Tránh những ảnh hưởng tiềm tàng và không mong muốn** mà các chính sách và hành động liên quan tới TUBĐKH/GNRRTH có thể làm gia tăng sự bất bình đẳng giới và đói nghèo.
3. **Tạo lợi ích cho nhau**: các chương trình và hành động liên quan đến TUBĐKH và GNRRTH có thể nâng cao vai trò và vị thế cho phụ nữ và cải thiện điều kiện sống cũng như sinh kế cho họ, cho gia đình họ và toàn thể cộng đồng; các chương trình và hành động liên quan đến bình đẳng giới có thể đóng góp cho công tác GNRRTH và TUBĐKH và giảm thiểu biến đổi khí hậu.
4. Đảm bảo **sự gắn kết chặt chẽ hơn của chính sách** với các chính sách xã hội/giới hiện hành, các cam kết về giới và quyền con người, nhờ đó có thể đóng góp vào việc đạt được bình đẳng giới và các Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ (MDGs) cũng như các mục tiêu phát triển bền vững con người⁹ có liên quan.

⁵ Tháng 12, 2008

⁶ Tháng 12, 2011

⁷ Tháng 7, 2009

⁸ Cùng với Oxfam, Plan, Care, IFRC a.o.

⁹ Xem: Báo cáo Tiến độ thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ cho Việt Nam, 2011

Hộp 2: Một số định nghĩa quan trọng¹⁰

Giới: đề cập đến vai trò, trách nhiệm, quyền và cơ hội liên quan đến nam giới và phụ nữ được xã hội qui định. Các mối quan hệ giới luôn năng động, thay đổi theo thời gian và được qui định bởi hoàn cảnh cụ thể - cũng giống như xã hội có thể thay đổi theo thời gian, vai trò giới khác nhau giữa nam giới và phụ nữ trong gia đình, trong cộng đồng, nơi làm việc và trong các thể chế và cơ cấu ra quyết định chính thức hay không chính thức cũng thay đổi theo thời gian.

Phân biệt giới: Nam giới và nữ giới có thể có những vai trò, trách nhiệm, chức năng, mức độ tham gia, khả năng tiếp cận và quản lý các nguồn lực và tài sản, trình độ học vấn, quyền và cơ hội trên thực tế khác nhau do xã hội qui định. Trong nhiều xã hội, phụ nữ và đặc biệt là con gái thường phải đối mặt với các hình thức ruồng bỏ và phân biệt truyền thống chính là do các vai trò, quyền và cơ hội qui định theo giới đó của họ.

Bình đẳng giới: các quyền, tiềm năng, tài sản và cơ hội như nhau cho cả nam và nữ (trong tất cả sự đa dạng của họ). Thông thường thì phụ nữ hay phải đối mặt với những cản trở nhất định để đạt được tiềm năng phát triển toàn diện cho bản thân, ví dụ như họ không có đủ quyền lực để đưa ra quyết định, nghèo đói, hạn chế trong khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực (tự nhiên, tài chính, tín dụng, giáo dục và đào tạo). Mặc dù phải đương đầu với rất nhiều bất lợi, phụ nữ vẫn luôn là các tác nhân quan trọng, đặc biệt là ở cấp cộng đồng bởi kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn, kĩ năng và tầm nhìn của họ.

Lồng ghép giới: “... là một chiến lược nhằm làm cho những quan tâm và kinh nghiệm của nữ giới cũng như nam giới trở thành một nhân tố không thể tách rời trong quá trình thiết kế, [cung cấp tài chính], thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình (thuộc tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội), để phụ nữ và nam giới đều có thể được hưởng lợi như nhau và để sự bất bình đẳng sẽ không được duy trì mãi. Mục tiêu cao nhất là đạt được sự bình đẳng giới”

Phân tích giới: giúp cho chúng ta hiểu rõ về vai trò mà xã hội qui định cho nam giới và nữ giới quyết định thế nào đến tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng khác nhau đối với biến đổi khí hậu ở mỗi giới. Phân tích giới là cần thiết để đưa ra được những hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và GNRTH với những thông tin rõ ràng, công bằng, hiệu quả và bền vững hơn trước.

Tính dễ bị tổn thương: những đặc thù và hoàn cảnh của [một cá nhân], cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản làm cho nó dễ bị ảnh hưởng trước những tác động có hại của hiểm họa

Khả năng ứng phó, phục hồi và thích nghi: là khả năng của một hệ thống, một cộng đồng hoặc một xã hội trong vùng hiểm họa trong việc chống đỡ, chịu đựng, thích ứng và phục hồi các tác động của hiểm họa một cách kịp thời và hiệu quả, bao gồm bảo tồn và khôi phục các công trình và chức năng cơ bản, thiết yếu.

Năng lực: sự kết hợp của tất cả sức mạnh, thuộc tính và nguồn lực sẵn có trong một cộng đồng, một xã hội hoặc một tổ chức có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu chung

Bình đẳng giới và nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ ở Việt Nam: một số thông tin thực tế¹¹

Tại Việt Nam, phụ nữ đóng một vai trò cốt yếu. Họ không chỉ góp phần tạo nên một nửa dân số mà còn giữ những vị trí quan trọng trong gia đình, trong khu vực kinh tế nông thôn và thành thị cũng như trong xã hội nói chung.

Khoảng 14 triệu phụ nữ - từ cấp trung ương đến địa phương – được cơ cấu trong Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Hội có chi nhánh tại tất cả các tỉnh thành và thôn bản của Việt Nam và có rất nhiều chương trình đa dạng vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Trong những năm qua, mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc rút ngắn các khoảng cách giới, đặc biệt là trong công tác xóa đói giảm nghèo, giáo dục và sức khỏe, những khác biệt quan trọng về

¹⁰ ECOSOC, *Kết luận đã thống nhất*, 1997/2; Momsen, J.H., 2004. *Giới và phát triển*. Routledge, London; Moser, C., 1993. *Lập kế hoạch giới và phát triển: Lý luận, Thực tiễn và Tập huấn*. Routledge, London; Sen, A., 1999. *Phát triển là Tự do*. Oxford University Press, Oxford; Các thuật ngữ của UNISDR (2009) xem <http://www.unisdr.org/we/inform/terminology>.

¹¹ Chủ yếu dựa vào thông tin từ Ngân hàng Thế Giới, 2011, *Đánh giá quốc gia về Giới tại Việt Nam*

giới vẫn còn tồn tại. Những khác biệt này được phản ánh trong những đóng góp của phụ nữ và nam giới trong công việc sản xuất và tái sản xuất, việc làm và tiền lương chính thức hay không chính thức, mức nghèo, tỉ lệ biết chữ, khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hình thức di cư, cũng như mức độ tham gia và đại diện của phụ nữ trong quá trình ra quyết định ở các cấp khác nhau.

Một vấn đề đáng ngại lớn là việc gia tăng sự mất cân bằng trong tỉ lệ giới tính khi sinh (SRB); từ năm 1999 đến 2009, tỉ lệ số bé trai trên mỗi 100 bé gái được sinh ra đã tăng từ 106 lên 111. Sự mất cân bằng này là cao nhất trong nhóm có thu nhập cao hơn do có cơ hội được tiếp cận tốt hơn với các kỹ thuật siêu âm và các biện pháp nạo phá thai để chọn giới tính. Rõ ràng điều này có liên quan tới xu hướng thích con trai bắt nguồn từ nền văn hóa. Hơn nữa, mặc dù các chỉ số sức khỏe cho nữ giới đã có những bước tiến vượt bậc, các vấn đề về bệnh HIV/AIDS cũng như bạo lực giới vẫn rất đáng lo ngại.

Do mức độ đói nghèo được đo ở cấp hộ gia đình chứ không phải theo từng cá nhân cho nên chỉ có thể thấy được một khoảng cách giới nhỏ trong các đánh giá chính thức. Phụ nữ lớn tuổi, đặc biệt là các phụ nữ góa sống tại các vùng nông thôn, chiếm phần đông trong số người nghèo. Quyền kiểm soát các tài sản và các nguồn lực, bao gồm cả đất đai, là một yếu tố vô cùng quan trọng. Phụ nữ đã đạt được thành tựu lớn trong việc nhập học nhưng họ vẫn bị phân tách theo những môn học và ngành riêng. Điều này có liên hệ với sự phân biệt đáng kể về nghề nghiệp và việc làm. Khoảng cách giới trong giáo dục chỉ còn tồn tại trong một số nhóm dân tộc thiểu số cụ thể. Tuy nhiên, một số tài liệu giáo dục vẫn còn khuyến khích định kiến giới.

Theo bản Khảo sát Lực lượng Lao động (LFS) năm 2009, mức tiền công của phụ nữ chỉ bằng 75% so với nam giới với cùng một công việc; không tính đến sự khác biệt về trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc. Theo dữ liệu từ bản Khảo sát Tiêu chuẩn sống ở các hộ gia đình tại Việt Nam (VHLSS) thì 64% nữ giới trong độ tuổi lao động ở nông thôn đang làm trong lĩnh vực nông nghiệp, so với nam giới trong độ tuổi lao động thì con số này là 53%. Nhìn chung thì nền nông nghiệp của Việt Nam đang có xu hướng nữ giới hóa. Mô hình về việc phân biệt giữa nam và nữ cũng tương tự như vậy ở khu vực thành thị. Phụ nữ đang chiếm số đông ở lĩnh vực làm việc không chính qui trong những công việc dễ bị tổn thương như là tự làm việc cho bản thân hay làm việc cho gia đình mà không được trả lương. Mức lương và điều kiện làm việc tồi tệ hơn nổi trội trong các doanh nghiệp nhỏ, không chính qui do hộ gia đình tự điều hành. Một vấn đề vẫn không thay đổi theo thời gian là sự phân bổ theo giới trong các công việc không được trả lương. Theo VHLSS năm 2008 thì nam giới vẫn tiếp tục đóng góp ít hơn phụ nữ rất nhiều vào các công việc trong gia đình, điều này khiến cho người phụ nữ phải mang một gánh nặng kép – vừa phải chăm sóc gia đình vừa phải kiếm tiền. Những khác biệt về giới này vẫn tồn tại trong công việc, việc làm và tiền công có thể đặt phụ nữ trước rủi ro bị đẩy sâu thêm vào vai trò thứ yếu.

Sự tham gia hoạt động chính trị là một lĩnh vực quan trọng khác có sự khác biệt về giới tồn tại. Mặc dù tỉ lệ nữ giới trong Quốc hội ở mức cao theo tiêu chuẩn của vùng và cũng một thành viên nữ trong Bộ Chính trị, vẫn có những dấu hiệu cho thấy phụ nữ không có tiếng nói ngang hàng với nam giới trong khu vực công cộng. Trên thực tế, có một số dấu hiệu cho thấy đại diện chính trị của phụ nữ thậm chí còn bị giảm đi chút ít trong một số lĩnh vực. Ví dụ, tỉ lệ phần trăm nữ giới trong Quốc hội nhiệm kì 2002-2007 đã giảm từ 27,3% xuống 24,4% trong nhiệm kì 2011-2016. Việc theo dõi Nghèo có sự tham gia chỉ ra rằng nhiều rào cản mà phụ nữ phải đối mặt ở cấp cao hơn trong quá trình tham gia và đưa ra các quyết định ở khu vực công cộng thì họ cũng gặp phải ở các cấp cơ sở.

Bất bình đẳng về giới góp phần tạo ra các tình trạng dễ bị tổn thương khác nhau và do vậy cũng gây ra các tác động khác nhau từ thảm họa và biến đổi khí hậu. Mặt khác, phụ nữ và nam giới có những năng lực khác nhau – kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng và tầm nhìn – trong việc xử lý các thử thách và các tác động.

Cũng cần phải nói thêm rằng không phải mọi phụ nữ đều như nhau, họ không tạo thành một nhóm người đồng nhất. Luôn có những khác biệt lớn do sự khác nhau về xã hội và kinh tế như là khác biệt về lứa tuổi (phụ nữ - trẻ em gái), địa vị xã hội (giàu – nghèo), sinh kế và thành phần dân tộc (phụ nữ thuộc nhóm đa số - thiểu số).

Khuôn khổ luật pháp

Việt Nam có một sơ sở pháp luật vững chắc trong vấn đề bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới (2007) và Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới 2011-2020 qui định rằng tất cả các bộ, ngành đều phải lồng ghép giới trong công việc của họ. Theo Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới, các bộ và tỉnh có trách nhiệm xây dựng và ban hành các kế hoạch hành động về vấn đề bình đẳng giới nhằm thực thi Chiến lược. Cho đến thời điểm này, 37/63 tỉnh thành và 10 bộ đã thông qua các kế hoạch hành động như vậy¹².

¹² Bộ LĐTBXH, tháng 12, 2011

Trong vấn đề biến đổi khí hậu, Chương trình Mục Tiêu Quốc gia nhằm Ứng phó với Biến đổi Khí hậu (CTMTQG-ƯPBĐKH, 2008) nhấn mạnh tầm quan trọng của bình đẳng giới như một nguyên tắc chỉ đạo cùng với phát triển bền vững. CTMTQG-ƯPBĐKH cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tiến hành các đánh giá tình trạng để bị tổn thương ở các cấp ngành, khu vực và cộng đồng. Chương trình cũng lưu ý rằng những tác động tiềm tàng từ biến đổi khí hậu tới phụ nữ có thể xóa bỏ những thành tựu đã đạt được của các mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs). Bên cạnh đó, Chiến lược Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (tháng 12, 2011) cũng đưa bình đẳng giới vào làm một trong những mục tiêu cụ thể.

Tuy nhiên, các Kế hoạch Hành động cho CTMTQG-ƯPBĐKH do các bộ và tỉnh xây dựng vẫn chưa đặt ra nhiệm vụ giải quyết vấn đề bình đẳng giới trong GNRRTH/TƯBĐKH.

Chiến lược Quốc gia về Phòng chống và Giảm nhẹ Thiên tai cho tới năm 2020 (2007) xác định rằng “*Thảm họa bắt nguồn từ các hiểm họa tự nhiên có ảnh hưởng tiêu cực tới những nhóm người dễ bị tổn thương như người già, người tàn tật, phụ nữ và trẻ em*”. Chiến lược cũng đưa ra một số phương pháp tiếp cận như sau: tăng cường việc nâng cao nhận thức cộng đồng và chia sẻ thông tin; xây dựng khả năng ứng phó, phục hồi và thích nghi đối với thảm họa và thúc đẩy truyền thống hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau khi thảm họa xảy ra; tổ chức các lực lượng tự ứng phó tại cộng đồng để có thể chủ động tìm kiếm và cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp; nâng cao vai trò của các tổ chức và hiệp hội xã hội trong công tác ứng phó và phục hồi sau thảm họa.

Những phương pháp tiếp cận này được coi là một cơ sở quan trọng nhằm lồng ghép giới trong công tác GNRRTH

Việc thực hiện các hướng dẫn của Chương trình Quốc gia về Quản lý Rủi ro Thảm họa dựa vào Cộng đồng (CBDRM) đề cập: “*Bình đẳng giới – lồng ghép giới và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ/nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ trong các hoạt động quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ mang lại hiệu quả to lớn hơn cho cộng đồng*”. Chương trình đề xuất một số hành động như sau:

- Các tài liệu tập huấn cần phải kết hợp vấn đề về giới trong công tác CBDRM
- Các phương pháp tập huấn phải là phương pháp có sự tham gia và phải khuyến khích sự tham gia của phụ nữ, và
- Tỷ lệ nữ tham gia trong các khóa tập huấn phải từ 30% trở lên

Tháng 11 năm 2011, bản thảo lần thứ ba của Luật Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai đã được đưa ra để tham khảo ý kiến của công chúng. Các chuyên gia đã tiến hành phân tích về giới tính nhằm đảm bảo rằng vấn đề bình đẳng và lồng ghép giới được nêu ra rõ ràng hơn.

Các thách thức còn tồn tại

Mặc dù mỗi quan tâm đến vấn đề lồng ghép giới trong công tác GNRRTH/TƯBĐKH ngày càng tăng lên, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều thách thức¹³

- Việc thực thi các khung pháp lý hiện hành và việc xây dựng các văn bản pháp lý mới cũng như các kế hoạch hành động liên quan thường không đề cập hoặc đề cập rất ít tới vấn đề bình đẳng giới.
- Những hiểu biết về vai trò giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu và công tác DRR vẫn còn hạn chế. Nhu cầu nâng cao nhận thức và các yêu cầu xây dựng năng lực là cấp thiết tại các cấp khác nhau.
- Những định kiến về vai trò của nam giới và nữ giới trong công tác GNRRTH/TƯBĐKH vẫn còn nặng nề; điều này có nghĩa rằng phụ nữ vẫn chỉ được coi là “nạn nhân” chứ không phải là các tác nhân quan trọng. Các nỗ lực nhằm phục hồi và thích ứng, ví dụ như trong ngành nông nghiệp, chủ yếu đề cập đến các thành viên nam trong gia đình, bất chấp thực tế nữ giới hóa đang ngày một gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam.
- Cho tới nay, các bài nghiên cứu, phân tích và đánh giá về vấn đề bình đẳng giới và lồng ghép giới trong công tác GNRRTH/TƯBĐKH để từ đó có thể đề ra các giải pháp phù hợp còn đang rất hạn chế

¹³ Những vấn đề tồn tại đã được nêu ra bởi các thành viên tham dự “Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa”, tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến 6 tháng 12 năm 2011 và cũng được dựa trên những kinh nghiệm thực tế và những phân tích từ các tài liệu liên quan.

- Việc thu thập và tổng hợp dữ liệu có phân tách theo giới tính liên quan tới công tác GNRRTH/TU'BDKH vẫn còn là một điểm yếu. Mặc dù trong một số trường hợp, các dữ liệu trên có sẵn ở các cấp địa phương nhưng lại không được lưu giữ ở các cấp cao hơn như cấp tỉnh và cấp quốc gia.
- Cần phải có các giải pháp thực tiễn và các tiêu chuẩn cụ thể để đưa vấn đề lồng ghép giới tính vào các chính sách, chiến lược và kế hoạch.
- Vai trò trong việc ra quyết định liên quan đến GNRRTH/TU'BDKH cũng phân chia theo giới, với việc phụ nữ tham gia ít hơn quá trình ra quyết định và lãnh đạo.
- Mặc dù ở mỗi nơi có sự khác nhau nhưng rõ ràng là phụ nữ đang rất thiếu đại diện trong các cơ cấu ra quyết định chính thức tại cấp cơ sở và địa phương, ví dụ như trong thành phần của Ban Chỉ huy Phòng chống Bão lũ (BCHPCLB) và Tìm kiếm và Cứu nạn¹⁴ với các cấp hành chính khác nhau.
- Nhìn chung, các lĩnh vực liên quan tới GNRRTH/TU'BDKH có một nền văn hóa do nam giới áp đảo, trong đó các thành viên phụ nữ có thể cảm thấy bị đe dọa; nhất là khi họ có ít đại diện và thường có ít khả năng tiếp cận với các thông tin liên quan đến việc ra quyết định.
- Trên thực tế, phụ nữ có thể đảm trách tất cả các nhiệm vụ trong công tác GNRRTH/TU'BDKH; nhất là khi nam giới đi di cư để tìm thêm việc làm và vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc hỗ trợ những người bị ảnh hưởng từ thảm họa, ví dụ như, không được công nhận chính thức
- Đồng thời, phụ nữ nói chung và các hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ nói riêng, có ít khả năng tiếp cận tới các tài sản sinh kế tạo điều kiện cho họ đối phó và thích nghi với các chấn động và sự kiện bất thường lớn.

Các khía cạnh khác biệt giới trong biến đổi khí hậu¹⁵

Bởi vì không phải tất cả mọi người đều bị ảnh hưởng giống nhau, chúng ta có thể nhận thấy các tác động và khía cạnh cụ thể về giới của biến đổi khí hậu và công tác GNRRTH/TU'BDKH. Một số nhóm:

- dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng hơn các nhóm khác: **các tác động khác biệt về giới**
- được chuẩn bị và/hoặc có khả năng ứng phó, phục hồi và thích nghi tốt hơn các nhóm khác: **khả năng ứng phó, phục hồi và thích nghi của từng giới**
- tham gia nhiều hơn các nhóm khác: **năng lực đặc trưng theo giới**

Các cấu trúc xã hội quy định về giới và thể hiện nó trong xã hội cũng góp phần vào các tác động và năng lực mang tính đặc trưng về giới này. Điều này được phản ánh trong những vai trò và cơ hội sản xuất và tái sản xuất khác nhau của phụ nữ và nam giới trong hộ gia đình, dòng họ, cộng đồng, nơi làm việc cũng như quá trình ra quyết định và các tổ chức, bao gồm:

- Vai trò sản xuất trong các loại hình lao động chính thức và không chính thức (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, v.v...)
- Khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn thông tin và nguồn lực (đất, nước, v.v...)
- Vai trò trong gia đình (sinh đẻ, chăm sóc gia đình, v.v...)
- Quyền lực trong việc ra quyết định trong gia đình và ngoài cộng đồng

Các khía cạnh về khác biệt giới được phản ánh trong:

a. Rủi ro mất thu nhập và các nguồn lực sản xuất ở phụ nữ

- Ở khu vực nông thôn, 64 phần trăm phụ nữ so với 53 phần trăm nam giới tham gia vào sản xuất nông nghiệp, và phải đối mặt với các rủi ro về mất mùa do hạn hán và mưa bất thường.
- Biến đổi khí hậu cũng góp phần làm cho nguồn nước trở nên bấp bênh hơn, điều này làm tăng thêm gánh nặng công việc của phụ nữ trong việc tham gia vào công việc đồng áng qui mô nhỏ, do họ phải bỏ nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị đất, lấy nước, tưới nước và bảo vệ mùa màng khỏi sâu bệnh

Sự phụ thuộc cao vào tài nguyên đất và tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động sinh kế đã khiến cho một số phụ nữ dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu hơn

¹⁴ Phổ biến được coi là công việc của nam giới bởi nó đòi hỏi phải có thể lực tốt, kể cả phụ nữ cũng nghĩ như vậy, và bởi vì chủ yếu là nam giới hơn là nữ giới thường lái những con thuyền lớn hay lái thuyền ra khơi xa.

¹⁵ Một phần dựa vào bài phát biểu của Bộ TNMT trong "Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa", tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến 6 tháng 12 năm 2011; cùng với Báo cáo thảo luận Chính sách – Ứng phó với Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam: Cơ hội cải thiện bình đẳng giới, 2009, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, Oxfam. Giới và Biến đổi khí hậu: Giới thiệu, 2010, Liên Hợp Quốc và Oxfam, Hà Nội và Irene Dankelman (biên tập). Earthscan, London.

b. Công việc của nữ giới và nam giới

- Phụ nữ đóng góp một phần đáng kể vào thị trường và nền kinh tế của địa phương cũng như của quốc gia. Có nhiều phụ nữ hơn nam giới làm việc tại gia đình, trong các doanh nghiệp vi mô và nhỏ¹⁶.
- Tuy nhiên, công việc mà phụ nữ đảm nhận thường phải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất và phụ nữ cũng là đối tượng ít có khả năng phục hồi nhất từ các thảm họa.
- Thảm họa khiến cho cả nam giới và nữ giới bị mất việc làm. Tuy nhiên, điều kiện làm việc của phụ nữ dễ bị suy thoái hơn các điều kiện làm việc của nam giới, vì rất nhiều phụ nữ nghèo - ở cả khu vực thành thị và nông thôn - làm việc nhiều hơn trong những lĩnh vực không an toàn và không chính thức, trong điều kiện làm việc tồi tệ hơn nam giới và thường là với mức tiền công thấp hơn.

Tập trung lao động trong những lĩnh vực không chính qui khiến phụ nữ dễ bị tổn thương hơn

c. Trách nhiệm chăm sóc

- Phụ nữ phải gánh vác rất nhiều trách nhiệm chăm sóc trong hộ gia đình, không chỉ cho con cái, cho chồng và cho những người thân khác trong gia đình mà còn chăm sóc cả hàng xóm, người già và người ốm đau trong cộng đồng.
- Phụ nữ thường gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp thức ăn và chăm sóc người khác khi thiếu thốn các nguồn lực.
- Có thể cần nhiều thời gian và công sức hơn, chẳng hạn như việc tìm kiếm chất đốt¹⁷ và nước.

Kết quả là, những trách nhiệm và công việc của phụ nữ và trẻ em gái làm giảm cơ hội được học tập, được tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập và quá trình ra quyết định của họ ở cấp cộng đồng.

d. Khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên đất và các dịch vụ

- Phụ nữ đứng tên 20% Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất, trong khi nam giới chiếm 62% và 18% là đồng sở hữu (VHLSS, 2008)
- Tại khu vực thành thị, từ năm 2004, tỉ lệ phụ nữ đứng tên quyền sử dụng đất một mình đã giảm trong khi tỉ lệ đồng sở hữu vẫn giữ nguyên (VHLSS, 2008)
- Việc phụ nữ có ít quyền về đất đai hơn đã cản trở họ tiếp cận với các nguồn tín dụng nhằm đa dạng hóa các nguồn thu nhập và việc phục hồi sau mất mát.

Thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn lực, tín dụng, thị trường và các dịch vụ mở rộng đã khiến cho phụ nữ và nam giới nghèo bị bất lợi nghiêm trọng và hạn chế các chiến lược đối phó của họ.

e. Các chiến lược đối phó

- Do những vai trò khác nhau trong gia đình, cộng đồng và thị trường được xã hội qui định cho họ, nam giới và nữ giới áp dụng những chiến lược khác nhau để ứng phó với thảm họa. Phụ nữ có thể sử dụng sự đa dạng hóa thu nhập và giúp đỡ từ cộng đồng nhiều hơn, trong khi nam giới có thể tìm kiếm những hỗ trợ về tài chính làm chiến lược đối phó nhiều hơn.
- Di cư đang nổi lên như một chiến lược đối phó quan trọng cho những người gặp khó khăn và những thay đổi về môi trường. Việc nam giới di cư thường khiến cho tình trạng của những người phụ nữ và trẻ em ở lại tồi tệ hơn. Phụ nữ di cư thường kiếm được ít tiền công hơn và thường bị đặt vào tình thế dễ bị tổn thương hơn nam giới.

Tính dễ bị tổn thương trước thảm họa đã tồn tại từ trước cùng với các vấn đề về môi trường diễn ra từ từ có nghĩa rằng phụ nữ thuộc nhóm người chịu rủi ro cao nhất trong khi có ít khả năng đối phó nhất.

f. Quyền ra quyết định trong gia đình

- Nói chung, phụ nữ nghèo sống tại cả khu vực thành thị và nông thôn đều có ít quyền quyết định trong công việc kinh doanh của gia đình và cách thức chi tiêu thu nhập của gia đình.
- Việc tham dự các cuộc họp của thôn, phường hoặc xã thường được coi là công việc của nam giới.

¹⁶ Xem: Ngân Hàng Thế giới, 2011. *Đánh giá quốc gia về giới ở Việt Nam*

¹⁷ Theo Nguyễn Minh Boá, Viện Năng Lượng (thông tin cá nhân), khoảng 90% năng lượng dùng trong gia đình ở nông thôn là từ nhiên liệu sinh khối; bao gồm củi, phụ phẩm nông nghiệp và than củi. Chúng thường dùng để nấu nướng trong gia đình hoặc phục vụ lĩnh vực sản xuất nhỏ lẻ mà phụ nữ chiếm đa số. Mặc dù thời gian và ngân sách dành cho các nghiên cứu về khác biệt giới tại Việt Nam vẫn còn hiếm, những nghiên cứu tại Trung Quốc, Nam Á và Châu Phi cũng đã chỉ ra sự khác biệt giới tương tự. (xem FAO, 2006, *Năng lượng và Giới*).

Phụ nữ có xu hướng chỉ tham dự các cuộc họp chung về GNRRTH/TƯ'ĐDKH tại cộng đồng khi nam giới bận hoặc vắng mặt.

g. Quyền ra quyết định trong cộng đồng

- Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào Hội đồng Nhân dân địa phương tuy đáng kể nhưng vẫn còn hạn chế: 23,8 % ở cấp tỉnh, 23,2 % ở cấp quận/huyện và 20 % ở cấp xã (Ngân hàng Thế giới, 2011)
- Phụ nữ tham gia vào Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt Bão chỉ giới hạn quanh việc chăm sóc trẻ em và cấp phát lương thực; phụ nữ thường không được tham dự vào việc ra quyết định

Những nhu cầu và quan điểm của phụ nữ cần phải được đưa vào các kế hoạch TƯ'ĐDKH và công tác GNRRTH nhiều hơn nữa.

Hộp III: Những cơ hội gia tăng bình đẳng giới trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

Trong tài liệu nghiên cứu chung của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam và Oxfam, năm 2009: '*Ứng phó với Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam: Cơ hội cải thiện bình đẳng giới - Báo cáo thảo luận Chính sách*', một số đề xuất đã được đưa ra để gia tăng bình đẳng giới trong bối cảnh thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Nghiên cứu cho rằng chính sự bất bình đẳng về giới nổi trội đã khiến cho phụ nữ có thể dễ bị ảnh hưởng hơn nam giới. Sự nhạy cảm với biến đổi khí hậu là khác nhau ở mỗi nhóm và đặc biệt mạnh ở nhóm nghèo hơn, phụ nữ ở nông thôn, bao gồm cả những người thuộc các dân tộc thiểu số, là những người có xu hướng phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và có các hoạt động sinh kế nhạy cảm với khí hậu. Cần có những nỗ lực cụ thể để đảm bảo rằng các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu mang tính nhạy cảm giới và có thể cải thiện bình đẳng giới. Dựa vào kết quả nghiên cứu, một số đề xuất đã được đưa ra:

1. Nâng cao nhận thức cả về vấn đề biến đổi khí hậu lẫn bình đẳng giới và khuyến khích việc học hành cho phụ nữ, giáo dục cho tất cả mọi người với lưu ý đặc biệt tới chương trình học về bình đẳng giới và các hành động liên quan tới biến đổi khí hậu
2. Hoàn thiện các nghiên cứu trên cơ sở các mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu đồng thời đảm bảo rằng các số liệu mang tính nhạy cảm giới được thu thập và phân tích để phục vụ cho quá trình ra quyết định
3. Đảm bảo rằng các mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu được lồng ghép vào các chính sách và chương trình và đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong quá trình xây dựng chính sách và ra quyết định ở tất cả các cấp
4. Đặc biệt bảo vệ quyền của phụ nữ trong và sau khi thảm họa do biến đổi khí hậu làm cho nghiêm trọng hơn
5. Tạo ra các cơ hội sinh kế cho phụ nữ và các gia đình có phụ nữ làm chủ, bao gồm đa dạng hóa sinh kế ở khu vực nông thôn như là một biện pháp ứng phó chính đối với những hiện tượng bất thường từ biến đổi khí hậu
6. Thúc đẩy bình đẳng giới trong các chính sách quốc tế về biến đổi khí hậu, kể cả việc cung cấp tài chính

Tất cả những tranh luận trên đây đều minh họa cho những khía cạnh cụ thể về giới trong biến đổi khí hậu, TƯ'ĐDKH và GNRRTH

- Phân tích về giới cho chúng ta hiểu được những bản sắc của nữ giới và nam giới quyết định như thế nào tới tính dễ bị tổn thương và năng lực của họ trong việc đối phó với biến đổi khí hậu và thảm họa.
- Cấp thiết cần phải giải quyết các nhu cầu, vai trò và ưu tiên khác biệt về giới thông qua việc lồng ghép giới trong công tác GNRRTH/TƯ'ĐDKH.

Hộp IV: Những nguyên lý cơ bản trong lồng ghép giới vào công tác GNRRTH/TƯ'BDKH¹⁸

Các chính sách

- Trong tương lai, cần phải đánh giá về giới cho tất cả các bản dự thảo chính sách, chiến lược và văn bản pháp lý - bao gồm cả dự thảo cuối cùng về Luật Quản lý Rủi ro Thảm họa và Nghị định kèm theo. Tất cả các tài liệu như trên đều cần phải có mục tiêu cụ thể về bình đẳng giới và nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ.
- Các chiến lược và kế hoạch GNRRTH/TƯ'BDKH hiện hành cần phải được xem xét lại và sửa đổi để phản ánh được đầy đủ sự quan tâm tới bình đẳng giới.
- Áp dụng và khuyến khích việc sử dụng những dữ liệu phân tách giới và những thông tin về bình đẳng giới hiện có tại tất cả các cấp quản lý hành chính.
- Việc lập kế hoạch và cung cấp tài chính cho GNRRTH/TƯ'BDKH cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với các nhu cầu và mối quan tâm khác nhau của cả phụ nữ và nam giới.

Thực hiện

- Đưa việc phân tích giới vào tất cả các khâu lập kế hoạch và thiết kế cho các sáng kiến GNRRTH/TƯ'BDKH tại tất cả các cấp.
- Tạo ra dữ liệu và tiến hành nghiên cứu có phân tách giới cho khía cạnh bình đẳng giới và nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ trong công tác GNRRTH/TƯ'BDKH.
- Khuyến khích và đảm bảo sự tham gia của phụ nữ cũng như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong công tác GNRRTH/TƯ'BDKH ở tất cả các cấp trong các bộ, ban, ngành của chính phủ, các thể chế và các tổ chức xã hội dân sự.
- Nâng cao vai trò của phụ nữ và nam giới trong công tác GNRRTH/TƯ'BDKH tại cộng đồng và tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình lập kế hoạch cũng như thực thi các hành động liên quan tới GNRRTH/TƯ'BDKH.

Xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức

- Xây dựng một nhóm nòng cốt bao gồm các nhà vận động và các hướng dẫn viên về giới trong GNRRTH/TƯ'BDKH.
- Đưa kiến thức về giới và biến đổi khí hậu/rủi ro thảm họa vào trong hệ thống giáo dục và chương trình giảng dạy ở tất cả các cấp.

Ở cấp địa phương, một số những biện pháp thực hiện trên đã được áp dụng, như được trình bày trong các trường hợp nghiên cứu điển hình dưới đây

Hộp V: Một số ví dụ đáng khích lệ¹⁹

“Nâng cao năng lực của phụ nữ để ứng phó với biến đổi khí hậu: Nâng cao vai trò vị thế cho phụ nữ cơ sở tại địa phương nhằm đối phó với các thảm họa bắt nguồn từ hiểm họa tự nhiên”

Được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam triển khai và Cơ quan Phụ nữ của Liên Hợp Quốc hỗ trợ năm 2010/2011 tại khu vực dễ bị ảnh hưởng của lũ lụt tại tỉnh Phú Yên

Dự án đã giúp cho nam giới và phụ nữ trong 40 xã tại 9 huyện được hưởng lợi. Nó tập trung vào việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong bối cảnh biến đổi khí hậu thông qua các lớp tập huấn nhằm nâng cao các kỹ năng kỹ thuật cho các nhóm phụ nữ ở cấp xã cũng như các cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện và xã.

Trọng tâm nhằm đánh giá, lập kế hoạch và quản lý rủi ro có nhạy cảm giới, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định, xây dựng năng lực và phòng chống bạo lực đối với phụ nữ sau khi thảm họa xảy ra.

¹⁸Dựa vào: Irene Dankelman (biên tập) (2010), *Giới và Biến đổi Khí hậu: Giới thiệu*. Earthscan, Luân Đôn

¹⁹Những ví dụ này được lựa chọn từ 10 trường hợp nghiên cứu điển hình được đưa ra trong “Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa”, tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến 6 tháng 12 năm 2011

Các thông tin về khí hậu và các thông điệp cảnh báo sớm đã được chuyển tải thông qua việc phát thanh nhiều lần một chương trình truyền thanh được thiết kế đặc biệt và thông qua các tài liệu truyền thông như áp phích và tờ rơi. Đối thoại cấp xã với chính quyền địa phương cũng được triển khai.

Kết quả là, nhận thức về giới trong công tác GNRRTH và phòng ngừa thảm họa, vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong vấn đề này và của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong GNRRTH/TƯBĐKH đã tăng lên đáng kể. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, mặc dù không phải là một thành viên chính thức của Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt Bão và Tìm kiếm và Cứu nạn của tỉnh, nhưng bây giờ thường xuyên được mời tới dự các cuộc họp về quản lý và giảm thiểu rủi ro thảm họa trong khu vực. Kế hoạch tiếp theo đã được lập để mở rộng dự án sang các tỉnh dễ bị ảnh hưởng của thảm họa khác ở Việt Nam trong những năm tới.

“Nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ trong phát triển sinh kế tại cộng đồng ven biển, quản lý tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu”

Dự án này được Trung tâm Bảo tồn Sinh vật Biển và Phát triển Cộng đồng triển khai tại Vườn Quốc Gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định bởi, do Liên minh Châu Âu, Oxfam và McKnight Foundation hỗ trợ.

Có khoảng 10.000 người đang sinh sống tại xã Giao Xuân, thuộc Vườn Quốc Gia Xuân Thủy – một khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của bão và lũ lụt, và đời sống của dân cư chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và thủy sản.

Trong quá trình đánh giá nông thôn có sự tham gia và phân tích giới, các địa vị cụ thể của phụ nữ và nam giới trong xã đã được đưa ra xem xét. Phụ nữ trong xã phải đối mặt với một số vấn đề, kể cả các thành kiến truyền thống về giới, thiếu khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực (vốn, đất đai và công nghệ) và thiếu đại diện trong các vị trí lãnh đạo. Họ cũng phụ thuộc nặng nề vào các nguồn tài nguyên ven biển. Những điều này khiến cho họ càng dễ bị tổn thương hơn trước biến đổi khí hậu.

Trong nỗ lực nhằm đa dạng hóa thu nhập, một dự án du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET) đã được triển khai từ năm 2006, giúp tăng thêm thu nhập cho người dân địa phương và góp phần bảo tồn khu vực đầm lầy. Trọng tâm chủ yếu là lồng ghép giới và đẩy mạnh sinh kế cho phụ nữ trong xã. Dự án đã thành công trong việc mang lại thu nhập thêm cho phụ nữ và các hộ gia đình trong xã, và trên hết là nâng cao vai trò vị thế cho phụ nữ. Điều này được thể hiện qua thực tế rằng 75 phần trăm số thành viên tham gia hợp tác xã CBET là phụ nữ và khoảng 70 phần trăm số phụ nữ tham gia vào các buổi tập huấn kỹ năng và xây dựng năng lực của CBET. Tuy nhiên, những thách thức chính yếu vẫn còn tồn tại, ví dụ như cân bằng gánh nặng công việc gấp đôi của phụ nữ giữa việc chăm sóc gia đình và tạo thu nhập, và nhu cầu nâng cao năng lực thể chế và chính sách. Kế hoạch tiếp theo là nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo và năng lực cho phụ nữ, cũng như mở rộng và vận động chính sách.

“Những người đi đầu về giới Son và Tuyền và dự án VANGOCA (Hiệp định hợp tác các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam và Australia) tại xã Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp”

Một dự án do Oxfam hỗ trợ

Son và Tuyền bắt đầu là những tình nguyện viên truyền thông trong dự án VANGOCA năm 2006. Thông qua công việc của mình, họ đã có những nhận thức và hiểu biết về tầm quan trọng của việc phòng ngừa và giảm thiểu thảm họa cũng như về bình đẳng giới. Son, người chồng, muốn làm gì đó để phá tan những tiêu chuẩn truyền thống trong ấp mình và đã quyết định công khai cho người dân trong ấp thấy rằng anh là người giặt quần áo trong gia đình. Mới đầu, hành động này vấp phải rất nhiều thắc mắc và phản đối từ mọi người trong ấp nhưng dần dần họ cũng chấp nhận.

Mặc dù dự án đã kết thúc nhưng bây giờ Son và Tuyền có tiếng có trọng lượng trong cộng đồng của mình. Son hiện là trưởng ấp còn Tuyền thì là thành viên của câu lạc bộ “Sống chung với Lũ” đồng thời là thành viên cốt cán của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tại địa phương. Họ đóng vai trò quan trọng và năng động trong việc truyền bá những kiến thức và kỹ năng về phòng ngừa và giảm thiểu thảm họa cùng kiến thức về bình đẳng giới. Son và Tuyền là một ví dụ điển hình cho việc chồng và vợ có thể hoán đổi vai trò giới và có thể cùng nhau hoạt động tạo ra sự thay đổi trong cộng đồng như thế nào.

Cơ quan chính phủ và chính quyền địa phương

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) cần đảm bảo rằng các hoạt động của họ trong công tác GNRRTH/TƯ'BĐKH cũng như trong việc xây dựng Luật Phòng tránh và Giảm nhẹ hiện tại nhất định phải kết hợp được các khía cạnh và các chỉ số liên quan đến bình đẳng giới.
- Tất cả các cơ quan chính phủ đều cần đảm bảo rằng công tác GNRRTH/TƯ'BĐKH là một nội dung ưu tiên trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (KHPTKTXH) quốc gia.
- Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT, Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTBXH cần phối hợp chặt chẽ - từ cấp địa phương tới cấp trung ương - để đảm bảo tính nhạy cảm giới trong công tác GNRRTH/TƯ'BĐKH. Để làm được điều này thì cần phải nâng cao năng lực và kiến thức kĩ thuật. Nhiệm vụ của Bộ LĐTBXH về lồng ghép giới vào các bộ và ban ngành cần được thực hiện và làm cho có hiệu lực; quá trình này cũng cần nhận được sự hỗ trợ thường xuyên từ các buổi thảo luận với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức và thể chế²¹ khác của phụ nữ.
- Xây dựng năng lực về giới cho phụ nữ, nam giới và các thể chế quốc gia tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu và những thảm họa có liên quan, phân bổ đủ nguồn lực về tài chính và nhân sự và đảm bảo ngân sách cho vấn đề nhạy cảm giới trong các chương trình và kế hoạch GNRRTH/TƯ'BĐKH.
- Các hành động GNRRTH/TƯ'BĐKH ở tất cả các cấp cần được xây dựng theo phương pháp có sự tham gia của đầy đủ các thành phần, bao gồm nam giới và phụ nữ ở mọi lứa tuổi và trình độ, sử dụng phương pháp tiếp cận CDBRM.
- Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và các khuôn khổ chính sách quốc gia về GNRRTH/TƯ'BĐKH cho chính quyền các cấp khác nhau, kể cả thông qua các chương trình tập huấn.
- Gia tăng số thành viên nữ trong Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt Bão các cấp tới mức tối thiểu là 30 phần trăm và đảm bảo sự tham gia tích cực của họ vào quá trình ra quyết định trong các Ban đó.
- Đảm bảo công tác thu thập và tổng hợp các dữ liệu có tách biệt về giới tính và các thông tin liên quan về giới từ cấp địa phương, đặc biệt là các đánh giá về thiệt hại và nhu cầu sau những thảm họa liên quan đến khí hậu hoặc thời tiết, được báo cáo tới cấp quốc gia, được phổ biến rộng rãi, dễ dàng tiếp cận chung và được sử dụng để thông báo, giám sát và đánh giá những chính sách và chương trình mới
- Chính phủ được khuyến khích đảm bảo sự tham gia của nhiều bên liên quan vào Diễn đàn Quốc Gia về GNRRTH và TƯ'BĐKH; Diễn đàn cần đưa vấn đề bình đẳng giới thành một trong số những mục tiêu của mình và phản ánh sự đại diện bình đẳng của phụ nữ và nam giới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, Đoàn Thanh niên và các tổ chức quần chúng khác

- Phụ nữ tham gia vào Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam (Hội CTĐVN) cần được tham gia tích cực vào việc ra quyết định tại các cấp của Ban Chỉ đạo/Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt Bão và các cơ chế hợp tác cho Chiến lược Biến đổi Khí hậu Quốc gia và CTMTQG-Ư'PBĐKH. Phụ nữ cũng nên tham gia vào các đội tìm kiếm và cứu nạn để khuyến khích sự bình đẳng trong GNRRTH và TƯ'BĐKH.
- Năng lực của các tập huấn viên đã được tập huấn về kiến và phương pháp lồng ghép giới vào GNRRTH/TƯ'BĐKH cần được đẩy mạnh và việc thực hiện đầy đủ mục tiêu này trong các chương trình của Chính phủ cần được đảm bảo.
- Đảm bảo rằng các hội viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia vào các nhóm đánh giá chung sau thảm họa.
- Hội LHPNVN và Hội CTĐVN cần vận động và truyền thông hiệu quả những nội dung chính về vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của phụ nữ trước, trong và sau thảm họa và trong công tác GNRRTH/TƯ'BĐKH.

²⁰ Dựa vào kết quả từ "Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa", tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến 6 tháng 12 năm 2011.

²¹ Ví dụ các nhóm địa phương, Cơ quan Phụ nữ của Liên Hợp Quốc, các học viện, các tổ chức phi chính phủ quốc tế

- Hội LHPNVN và Hội CTĐVN cần được khuyến khích thực hiện Chương trình Quốc gia về CBDRM tại cấp địa phương với trọng tâm là đảm bảo và thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vai trò vị thế của phụ nữ.

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế và của Việt Nam

- Những cách làm hay và kinh nghiệm về thúc đẩy bình đẳng giới trong GNRRTH/TƯ'BĐKH cần phải được dùng như những thông tin đã được chứng thực để thông báo tới các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định trong tổ chức của họ và tới Chính quyền cấp quốc gia và dưới quốc gia.
- Đảm bảo rằng các tài liệu kỹ thuật và bộ công cụ dùng trong GNRRTH/TƯ'BĐKH khớp với nhau và có đề cập đến vấn đề bình đẳng giới
- Đảm bảo rằng các dự án và chương trình về GNRRTH/TƯ'BĐKH có bao gồm việc vận động xung quanh nhu cầu bình đẳng giới/lồng ghép giới, đề cập tới các bên liên quan cấp địa phương, cấp tỉnh và cấp quốc gia.
- Tất cả những tổ chức phi chính phủ nên sử dụng các mạng lưới có sẵn (CCWG, DMWG và Diễn đàn Quốc Gia về GNRRTH và TƯ'BĐKH) để có tiếng nói đồng nhất và có sự hiệp lực trong lồng ghép giới vào công tác GNRRTH và TƯ'BĐKH. Các tổ chức cần xúc tiến một phương pháp tiếp cận chung và phối hợp với nhau để tăng cường lồng ghép giới vào các sáng kiến GNRRTH/TƯ'BĐKH.
- Giúp đỡ những nhóm dễ bị tổn thương để “tiếng nói của họ được lắng nghe” trong các hành động liên quan tới GNRRTH/TƯ'BĐKH.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia cấp quốc gia về lồng ghép giới và bình đẳng giới, thông qua việc hỗ trợ Hội LHPNVN, các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam, các viện nghiên cứu và giáo dục, và các tổ chức khác.

Các cơ quan của Liên Hợp Quốc và cộng đồng các nhà tài trợ

- Tiếp tục cung cấp các hỗ trợ về kỹ thuật cho Chính phủ và các bên liên quan khác để thúc đẩy lồng ghép giới trong những chính sách và chương trình liên quan đến GNRRTH/TƯ'BĐKH.
- Tham gia tích cực vào việc đảm bảo bình đẳng giới trong các văn bản pháp quy, chính sách, chiến lược và kế hoạch liên quan đến GNRRTH/TƯ'BĐKH thông qua việc đưa ra những cơ hội và cam kết rõ ràng cho các đối thoại về chính sách liên quan đến GNRRTH/TƯ'BĐKH
- Các cơ quan của Liên Hợp Quốc và nhà tài trợ nên đặt bình đẳng giới là một tiêu chuẩn trong những dự án và sáng kiến của họ cũng như những dự án và sáng kiến mà họ tài trợ, và đảm bảo rằng bình đẳng giới là một phần của những tiêu chuẩn qui định tài trợ cho công tác GNRRTH/TƯ'BĐKH. Các cơ quan của Liên Hợp Quốc, các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ Quốc tế cần phối hợp với giới truyền thông bằng cách đưa mạng lưới các nhà báo môi trường và giới lại với nhau.

Khu vực tư nhân²²

- Khu vực tư nhận rộng lớn tại Việt Nam cần đảm bảo rằng các quyền của phụ nữ - bao gồm cả quyền lao động và quyền được trả lương công bằng – được tôn trọng, và rằng khả năng tiếp cận tới tài sản và năng lực của họ trong việc đối phó với biến đổi khí hậu phải được cải thiện.
- Trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu và trong các sáng kiến GNRRTH mà khu vực tư nhân có tham gia nên bao gồm những phân tích về giới, đảm bảo sự tham gia của phụ nữ và có lợi cho cả phụ nữ và nam giới ở mọi trình độ.
- Khu vực tư nhân và các tổ chức tài chính nên hỗ trợ những công việc kinh doanh của phụ nữ trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu và trong các sáng kiến GNRRTH.

²² Những kiến nghị liên quan cụ thể đến khu vực tư nhân không được bàn luận rõ ràng trong “Hội thảo về các Cách làm Hay trong việc lồng ghép giới vào công tác Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro Thảm họa”, tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến 6 tháng 12 năm 2011.